

PHỤ LỤC

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh			
I	Lĩnh vực cơ sở giáo dục khác		
1	1.005061.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Cấp tỉnh
2	1.012959.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Cấp tỉnh
3	1.012960.H48	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Cấp tỉnh
4	1.012958.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Cấp tỉnh
5	3.000306.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
6	3.000305.H48	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp tỉnh
7	3.000304.H48	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Cấp tỉnh
8	3.000303.H48	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Cấp tỉnh
9	3.000302.H48	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh
10	3.000301.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Cấp tỉnh
11	3.000300.H48	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp tỉnh
12	3.000298.H48	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Cấp tỉnh
13	3.000299.H48	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Cấp tỉnh

14	3.000297.H48	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh
15	2.001987.000.00.00.H48	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Cấp tỉnh
16	1.005008.000.00.00.H48	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh
17	1.004991.000.00.00.H48	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Cấp tỉnh
18	1.004999.000.00.00.H48	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Cấp tỉnh
19	1.004988.000.00.00.H48	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
II Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
20	1.013764.H48	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	Cấp tỉnh
21	1.013761.H48	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh
22	1.013759.H48	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	Cấp tỉnh
23	1.013765.H48	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
24	1.013762.H48	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh
25	1.013763.H48	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh
26	1.013760.H48	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh

27	1.010928.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Cấp tỉnh
28	1.010927.000.00.00.H48	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	Cấp tỉnh
29	1.000159.H48	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
30	2.000130.H48	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
31	2.001959.H48	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cấp tỉnh
32	1.010596.000.00.00.H48	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	Cấp tỉnh
33	1.010594.000.00.00.H48	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	Cấp tỉnh
34	1.010593.000.00.00.H48	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	Cấp tỉnh
35	1.010595.000.00.00.H48	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục.	Cấp tỉnh
36	1.000482.000.00.00.H48	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
37	1.000509.000.00.00.H48	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
38	1.000530.000.00.00.H48	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh

39	1.000553.000.00.00.H48	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh
40	1.000138.000.00.00.H48	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh
41	1.000154.000.00.00.H48	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp tỉnh
42	1.000167.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Cấp tỉnh
43	2.000632.000.00.00.H48	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Cấp tỉnh
44	2.000189.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	Cấp tỉnh
45	1.000389.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Cấp tỉnh
III	Lĩnh vực giáo dục thường xuyên		
46	1.013757.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Cấp tỉnh
47	1.013756.H48	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
48	1.013755.H48	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Cấp tỉnh
49	1.013751.H48	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Cấp tỉnh
50	1.013753.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Cấp tỉnh

51	1.013752.H48	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tự thực hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
52	1.013754.H48	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tự thực	Cấp tỉnh
53	1.013758.H48	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tự thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Cấp tỉnh
54	3.000315.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
55	3.000317.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
56	1.012988.H48	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Cấp tỉnh
57	3.000316.H48	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Cấp tỉnh
IV Lĩnh vực giáo dục trung học			
58	2.002478.000.00.00.H48	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Cấp tỉnh
59	1.001088.000.00.00.H48	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Cấp tỉnh
60	1.012956.H48	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Cấp tỉnh
61	1.012955.H48	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Cấp tỉnh
62	1.012954.H48	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Cấp tỉnh
63	1.012953.H48	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Cấp tỉnh

64	1.012944.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Cấp tỉnh
65	2.002479.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Cấp tỉnh
66	2.002480.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Cấp tỉnh
67	3.000181.000.00.00.H48	Tuyển sinh trung học phổ thông	Cấp tỉnh
V	Lĩnh vực giáo dục trung học thuộc hệ thống quốc dân		
68	1.002407.H48	Xét, cấp học bổng chính sách	Cấp tỉnh
69	1.009002.H48	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Cấp tỉnh
70	2.002593.H48	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Cấp tỉnh
71	1.002982.000.00.00.H48	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Cấp tỉnh
72	1.000729.000.00.00.H48	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
73	1.005143.000.00.00.H48	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp tỉnh
74	2.002756.H48	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Cấp tỉnh
75	1.001714.000.00.00.H48	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Cấp tỉnh
76	1.005144.000.00.00.H48	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Cấp tỉnh
77	1.000691.000.00.00.H48	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Cấp tỉnh
78	1.000280.000.00.00.H48	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Cấp tỉnh
79	1.000288.000.00.00.H48	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài		

80	2.000729.H48	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Cấp tỉnh
81	1.008721.H48	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
82	1.008720.H48	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thực do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
83	2.000545.H48	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Cấp tỉnh
84	1.000939.000.00.00.H48	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
85	1.001492.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
86	1.001493.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
87	1.001496.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Cấp tỉnh
88	1.001497.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Cấp tỉnh
89	1.001499.000.00.00.H48	Phê duyệt liên kết giáo dục	Cấp tỉnh
90	1.013767.H48	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Cấp tỉnh
91	2.000451.H48	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
92	1.001501.H48	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Cấp tỉnh

93	2.000680.H48	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
94	1.006446.H48	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
95	1.008723.000.00.00.H48	Chuyên đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
96	1.008722.000.00.00.H48	Chuyên đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp tỉnh
97	1.000716.000.00.00.H48	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
98	1.000718.000.00.00.H48	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
99	1.001495.000.00.00.H48	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Cấp tỉnh
VII Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục			
100	1.000259.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh
101	1.000711.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh
102	1.000713.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh
103	1.000715.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh
VIII Lĩnh vực thi, tuyển sinh			

104	1.009394.000.00.00.H48	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Cấp tỉnh
105	1.005142.000.00.00.H48	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
106	1.005090.000.00.00.H48	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Cấp tỉnh
107	1.013338.H48	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
108	1.003734.000.00.00.H48	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Cấp tỉnh
109	1.005095.000.00.00.H48	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
110	1.005098.000.00.00.H48	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Cấp tỉnh
IX	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ		
111	1.004889.000.00.00.H48	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Cấp tỉnh
112	3.000466.H48	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
113	3.000465.H48	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	Cấp tỉnh
B.	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp Xã		
I	Lĩnh vực cơ sở giáo dục khác		
1	1.012974.H48	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp xã
2	1.012975.H48	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Cấp xã
3	3.000309.H48	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cấp xã
4	1.012971.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cấp xã
5	1.012972.H48	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Cấp xã

6	1.012973.H48	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cấp xã
II Lĩnh vực giáo dục mầm non			
7	1.012961.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp xã
8	1.012962.H48	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp xã
9	1.006444.000.00.00.H48	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Cấp xã
10	1.006445.000.00.00.H48	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Cấp xã
11	1.006390.000.00.00.H48	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Cấp xã
III Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
12	2.002284.H48	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Cấp xã
13	2.001960.000.00.00.H48	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Cấp xã
IV Lĩnh vực giáo dục thường xuyên			
14	1.012970.H48	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Cấp xã
15	3.000307.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Cấp xã
16	3.000308.H48	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Cấp xã
17	1.012969.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Cấp xã
V Lĩnh vực giáo dục tiểu học			
18	1.012963.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Cấp xã
19	2.001842.000.00.00.H48	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Cấp xã

20	1.001639.000.00.00.H48	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Cấp xã
21	1.004563.000.00.00.H48	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Cấp xã
22	1.004552.000.00.00.H48	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Cấp xã
VI Lĩnh vực giáo dục trung học			
23	1.012967.H48	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Cấp xã
24	1.012964.H48	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Cấp xã
25	1.012968.H48	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cấp xã
26	1.012966.H48	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Cấp xã
27	1.012965.H48	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Cấp xã
28	2.002483.000.00.00.H48	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Cấp xã
VII Lĩnh vực giáo dục trung học thuộc hệ thống quốc dân			
29	1.002407.H48	Xét, cấp học bằng chính sách	Cấp xã
30	1.005143.000.00.00.H48	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp xã
31	2.002771.H48	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cấp xã
32	2.002770.H48	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cấp xã
33	1.008725.H48	Chuyên đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp xã

34	1.008724.000.00.00.H48	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Cấp xã
35	1.001714.000.00.00.H48	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Cấp xã
36	1.000691.000.00.00.H48	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Cấp xã
37	1.000280.000.00.00.H48	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Cấp xã
38	1.000288.000.00.00.H48	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Cấp xã
VIII Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục			
39	1.000711.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp xã
40	1.000713.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp xã
41	1.000715.000.00.00.H48	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp xã
IX Lĩnh vực thi, tuyển sinh			
42	1.005090.000.00.00.H48	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Cấp xã
X Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ			
43	3.000468.H48	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Cấp xã
44	3.000467.H48	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Cấp xã